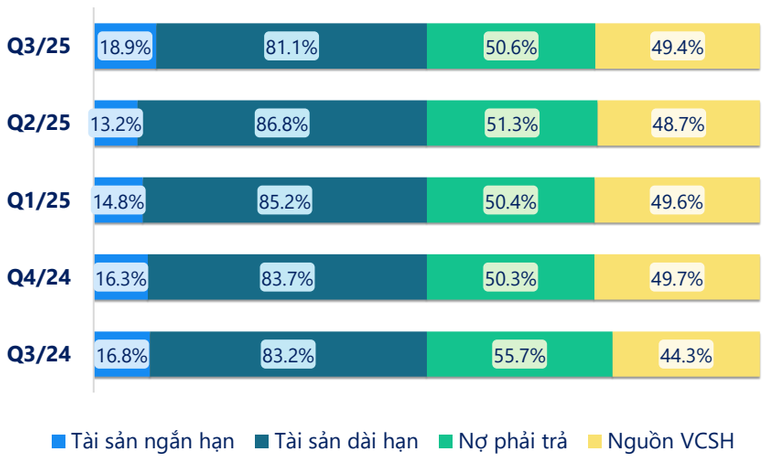
FireAnt

CTCP One Capital Hospitality (HNX: OCH)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,100
SL cổ phiếu LH	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	52,725
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,220
P/E	8.3
EPS	732

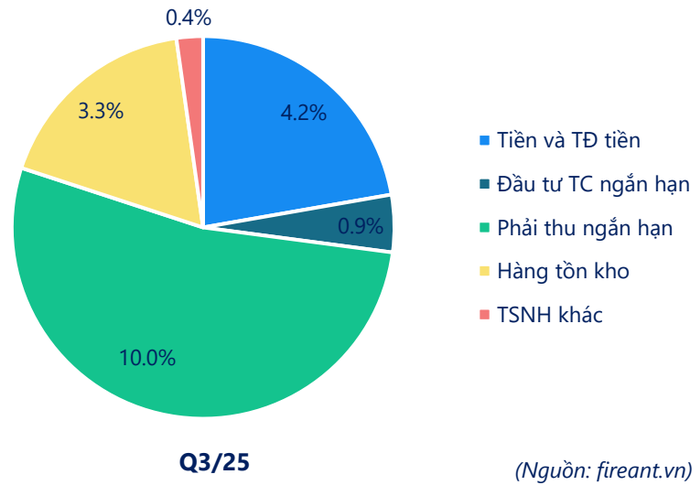
	YTD	1T	3T	6T
OCH	8.9%	-1.6%	5.2%	-3.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



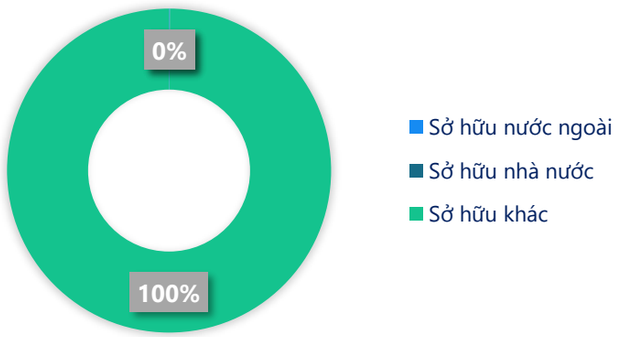
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



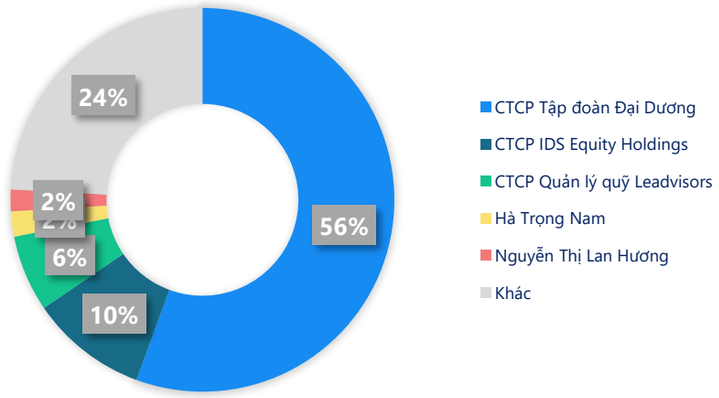
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



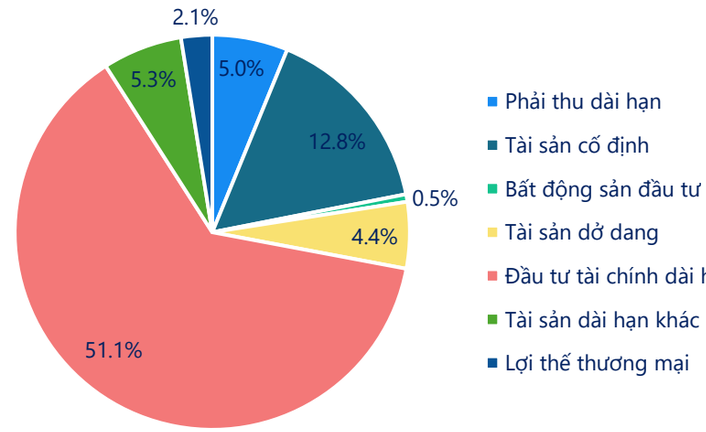
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

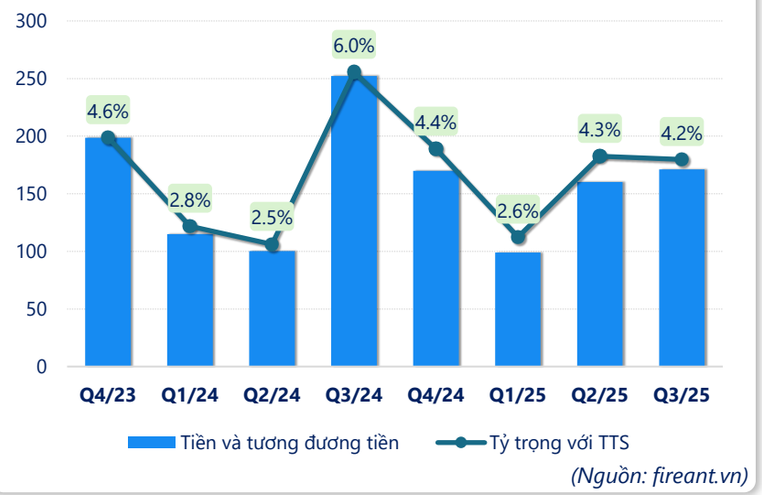


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

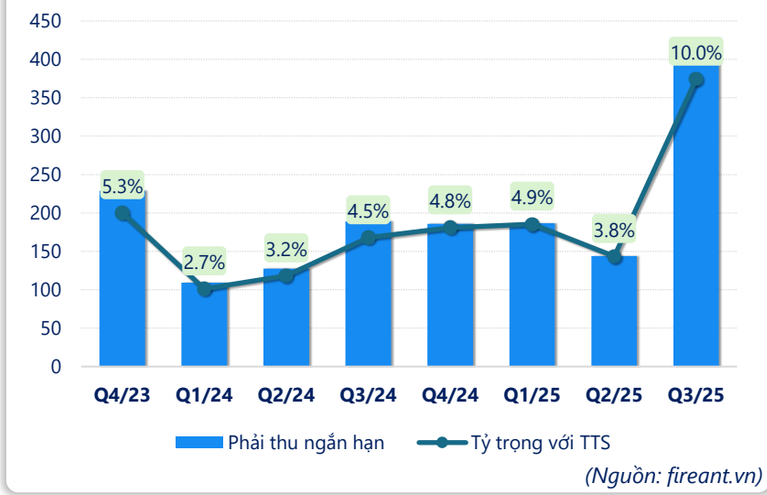
CTCP One Capital Hospitality (HNX: OCH)

Tiền và tương đương tiền



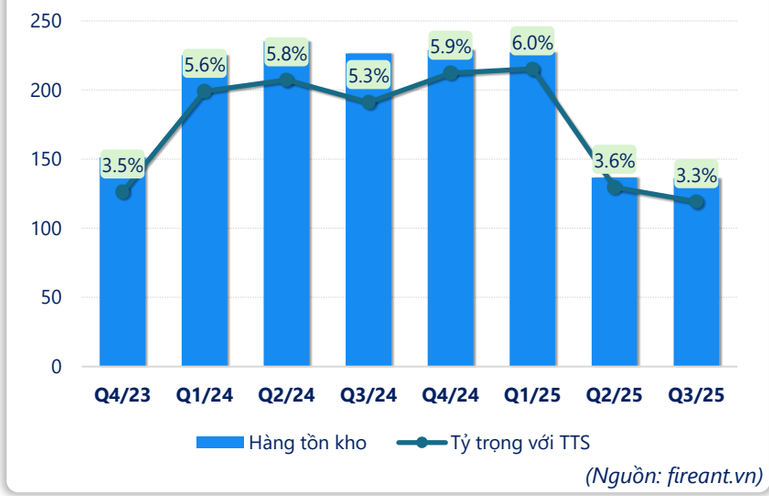
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



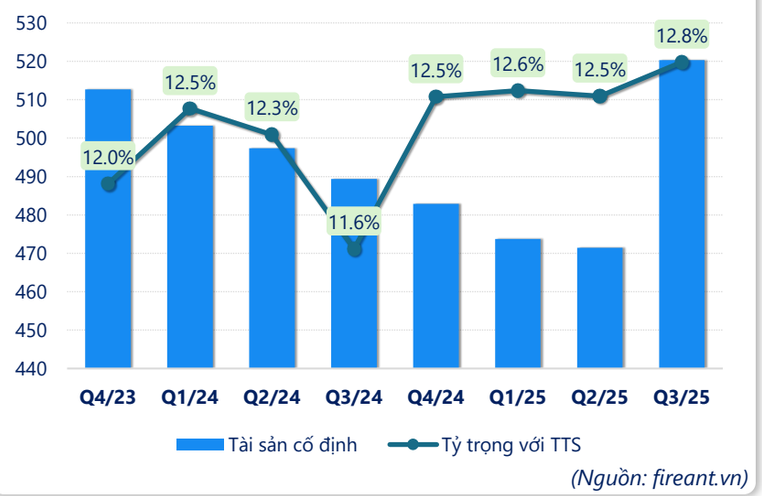
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



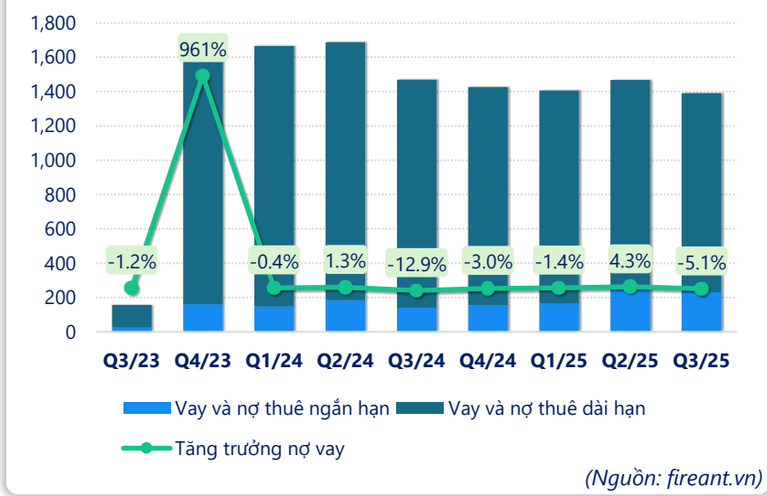
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



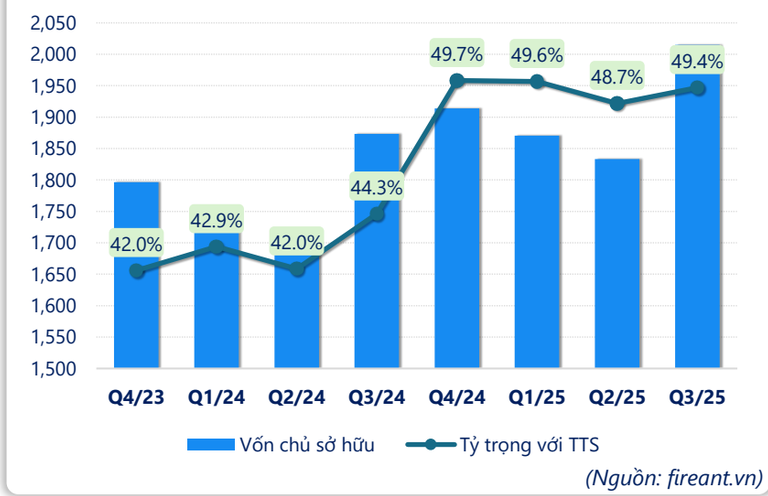
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

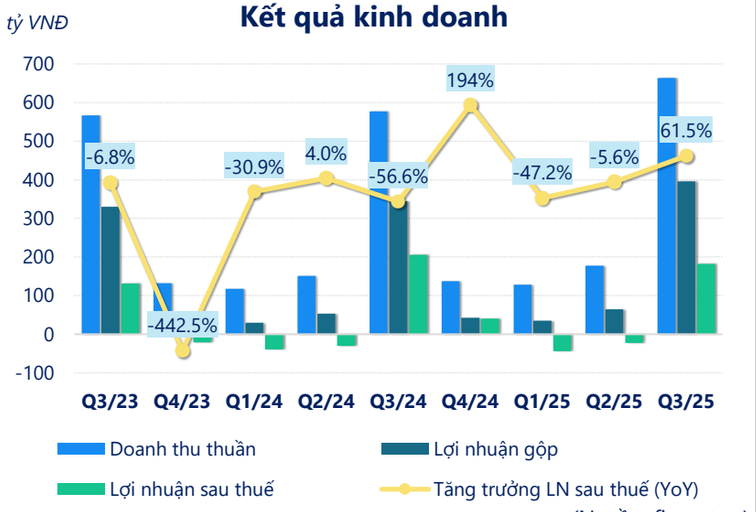


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

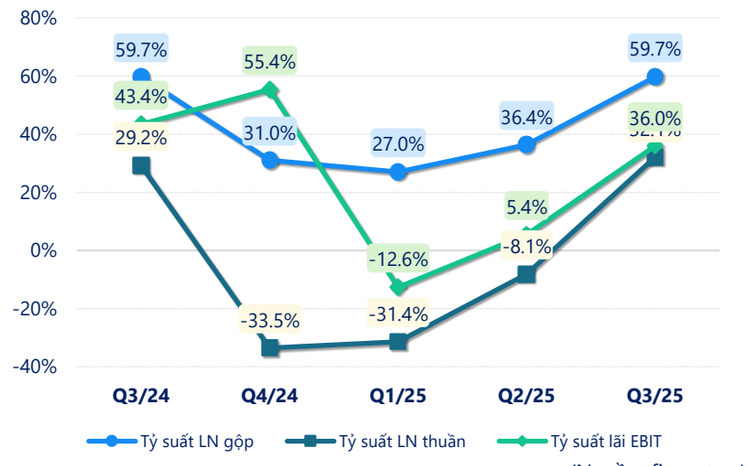
CTCP One Capital Hospitality (HNX: OCH)

Kết quả kinh doanh



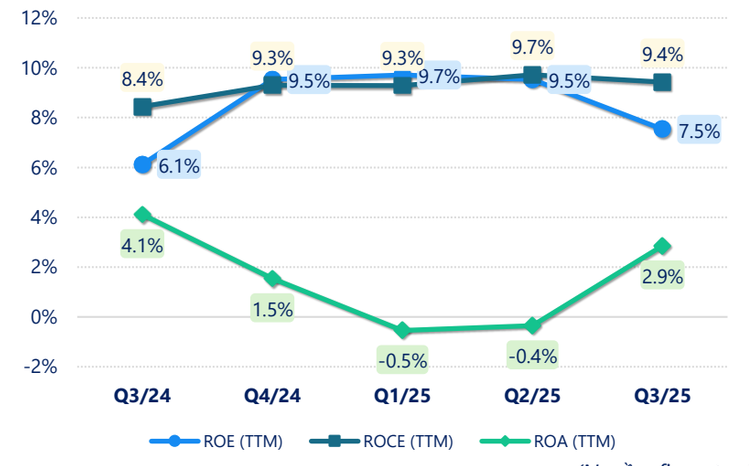
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



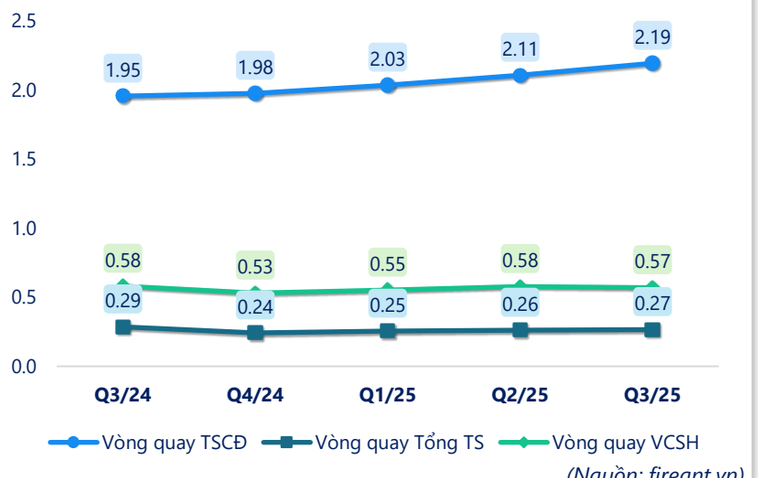
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



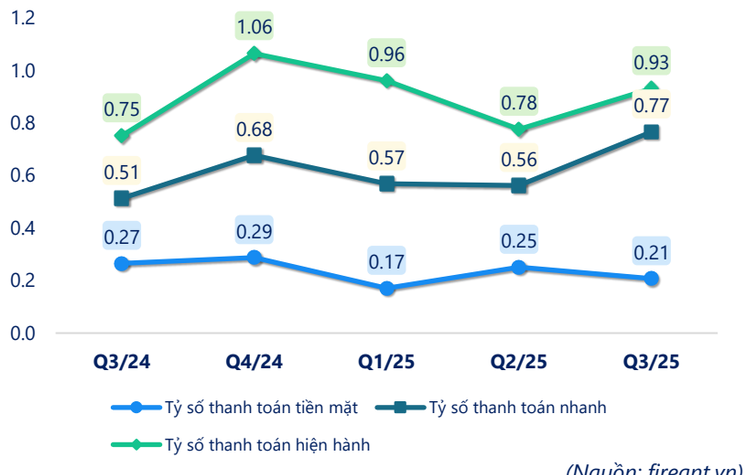
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



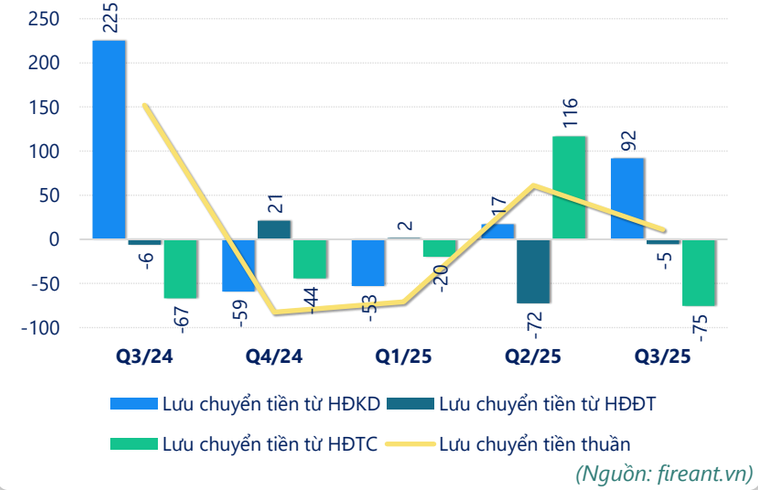
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP One Capital Hospitality (HNX: OCH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,081**	**3,853**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	769	629	22.4%
Tiền và tương đương tiền	171	170	0.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.2	26.0	43.1%
Phải thu ngắn hạn	407	186	119%
Hàng tồn kho	136	229	-40.4%
Tài sản ngắn hạn khác	17.2	18.4	-6.1%
Tài sản dài hạn	**3,311**	**3,225**	**2.7%**
Phải thu dài hạn	205	203	1.1%
Tài sản cố định	520	483	7.8%
Bất động sản đầu tư	20.3	21.2	-4.3%
Tài sản dở dang	180	182	-1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,085	2,085	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**216**	**219**	**-1.2%**
Lợi thế thương mại	84.4	32.1	163%
Nợ phải trả	2,065	1,939	6.5%
Nợ ngắn hạn	**827**	**590**	**40.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	231	155	48.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	140	25.6	446%
Nợ dài hạn	1,239	1,349	-8.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,160	1,270	-8.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,015**	**1,914**	**5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,015**	**1,914**	**5.3%**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	577	137	128	178	663
Giá vốn hàng bán	232	94.6	93.7	113	267
Lợi nhuận gộp	344	42.6	34.7	64.7	396
Doanh thu HĐTC	6.15	5.76	2.19	3.08	3.37
Chi phí TC	36.8	28.0	26.8	27.2	28.1
Chi phí lãi vay	26.7	27.9	26.8	27.2	28.1
LN trong công ty LKLD	-0.26	2.25	0	0	0
Chi phí bán hàng	108	28.2	26.3	27.8	126
Chi phí QLDN	37.3	40.5	24.0	27.2	32.5
LN thuần từ HĐKD	168	-46.0	-40.3	-14.4	213
Lợi nhuận khác	55.1	94.1	-2.71	-3.18	-2.80
LN trước thuế	224	48.1	-43.0	-17.6	210
Lợi nhuận sau thuế	206	40.6	-43.9	-22.5	182
LNST của CĐ cty mẹ	141	62.6	-21.2	-13.8	119

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	225	-59.3	-52.8	17.2	91.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.09	21.0	1.64	-72.4	-5.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-66.8	-44.2	-19.8	116	-75.3
Tiền đầu kỳ	100	252	170	98.8	160
Lưu chuyển tiền thuần	**152**	**-82.5**	**-70.9**	**61.3**	**11.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.05	0	0.06	0
Tiền cuối kỳ	252	170	98.8	160	171

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic